



SOLVILCA
Rx Thuốc kê đơn
PIRACETAM
2400 MG

Thành phần: Cho 1 gói
Piracetam 2400 mg
Tá dược: vừa đủ.
Chỉ định, chống chỉ định, liều dùng, cách dùng và các thông tin khác:
Xem trên tờ hướng dẫn sử dụng bên trong hộp.
Bảo quản:
Nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng trực tiếp.
Số lô SX:
HD:

Rx Thuốc kê đơn
SOLVILCA
PIRACETAM
2400 MG

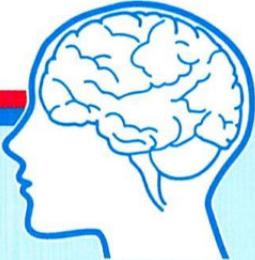


Cơ sở sản xuất:
Nhà máy HDPHARMA EU-
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG



6 g Thuốc bột pha dung dịch uống

Rx Thuốc kê đơn
SOLVILCA
PIRACETAM
2400 MG

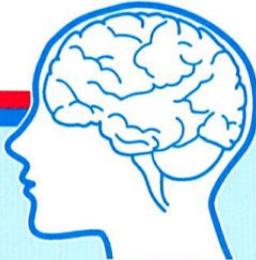


Hộp 50 gói x 6 g thuốc bột pha dung dịch uống

Thành phần: Cho 1 gói
Piracetam 2400 mg
Tá dược: vừa đủ.
Chỉ định, chống chỉ định, liều dùng, cách dùng và các thông tin khác:
Xem trên tờ hướng dẫn sử dụng bên trong hộp.
Bảo quản:
Nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng trực tiếp.

Tiêu chuẩn: TCCS.
SDK:
Số lô SX:
Ngày SX:
HD:

Rx Thuốc kê đơn
SOLVILCA
PIRACETAM
2400 MG



Hộp 50 gói x 6 g thuốc bột pha dung dịch uống

Rx Thuốc kê đơn
SOLVILCA
PIRACETAM 2400 MG

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.
ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM.

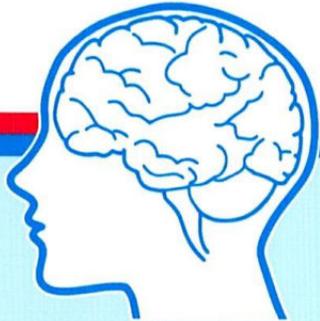
Cơ sở sản xuất: Nhà máy HDPHARMA EU-
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG
Tầng 2, tòa nhà 4A, thửa đất số 307, cụm Công nghiệp Cẩm
Thượng, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương.



SOLVILCA
Rx Thuốc kê đơn
PIRACETAM
2400 MG

Rx Thuốc kê đơn

SOLVILCA
PIRACETAM
2400 MG



Hộp 30 gói x 6 g thuốc bột pha dung dịch uống

Thành phần: Cho 1 gói
Piracetam 2400 mg
Tá dược: vừa đủ.
Chỉ định, chống chỉ định, liều dùng, cách dùng và các thông tin khác:
Xem trên tờ hướng dẫn sử dụng bên trong hộp.
Bảo quản:
Nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng trực tiếp.

Tiêu chuẩn: TCCS.
SĐK:
Số lô SX:
Ngày SX:
HD:

Rx Thuốc kê đơn

SOLVILCA
PIRACETAM
2400 MG



Hộp 30 gói x 6 g thuốc bột pha dung dịch uống

Thành phần: Cho 1 gói
Piracetam 2400 mg
Tá dược: vừa đủ.
Chỉ định, chống chỉ định, liều dùng, cách dùng và các thông tin khác:
Xem trên tờ hướng dẫn sử dụng bên trong hộp.
Bảo quản:
Nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng trực tiếp.
Số lô SX:
HD:

Cơ sở sản xuất:
Nhà máy HDPHARMA EU-
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG



Rx Thuốc kê đơn

SOLVILCA
PIRACETAM
2400 MG



6 g Thuốc bột
pha dung dịch uống

Rx Thuốc kê đơn

SOLVILCA
PIRACETAM 2400 MG

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.
ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM.

Cơ sở sản xuất: Nhà máy HDPHARMA EU-
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG
Tầng 2, tòa nhà 4A, thửa đất số 307, cụm Công nghiệp Cẩm
Thượng, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương.



SOLVILCA
 PIRACETAM
 2400 MG
Rx Thuốc kê đơn

Rx Thuốc kê đơn
SOLVILCA
 PIRACETAM
 2400 MG

Thành phần: Cho 1 gói
 Piracetam 2400 mg
 Tá dược: vừa đủ.
Chỉ định, chống chỉ định, liều dùng, cách dùng và các thông tin khác:
 Xem trên tờ hướng dẫn sử dụng bên trong hộp.
Bảo quản:
 Nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng trực tiếp.
 Số lô SX:
 HD:

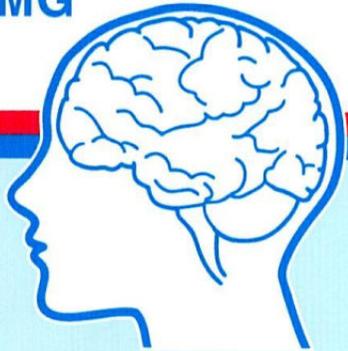
Cơ sở sản xuất:
 Nhà máy HDPHARMA EU-
 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

6 g Thuốc bột pha dung dịch uống





Rx Thuốc kê đơn
SOLVILCA
 PIRACETAM
 2400 MG

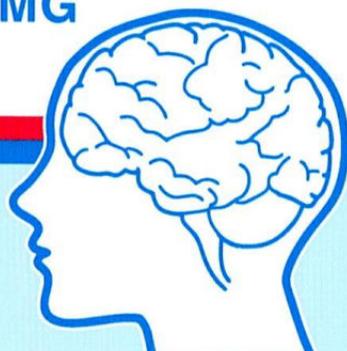



Hộp 20 gói x 6 g thuốc bột pha dung dịch uống

Thành phần: Cho 1 gói
 Piracetam 2400 mg
 Tá dược: vừa đủ.
Chỉ định, chống chỉ định, liều dùng, cách dùng và các thông tin khác:
 Xem trên tờ hướng dẫn sử dụng bên trong hộp.
Bảo quản:
 Nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng trực tiếp.

Tiêu chuẩn: TCCS.
SĐK:
Số lô SX:
Ngày SX:
HD:

Rx Thuốc kê đơn
SOLVILCA
 PIRACETAM
 2400 MG

Hộp 20 gói x 6 g thuốc bột pha dung dịch uống

Rx Thuốc kê đơn
SOLVILCA
 PIRACETAM 2400 MG

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.
 ĐỂ XA TẮM TRẺ EM.

Cơ sở sản xuất: Nhà máy HDPHARMA EU-
 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG
 Tầng 2, tòa nhà 4A, thửa đất số 307, cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Tên thuốc: **R^xSOLVILCA**

Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Để xa tầm tay trẻ em.

1. Thành phần công thức thuốc (cho 1 gói)

<i>Thành phần hoạt chất:</i>	<i>Hàm lượng</i>
Piracetam	2400 mg
<i>Thành phần tá dược:</i> Mannitol, Aspartam, acid citric, Kali Acesulfam, Colloidal anhydrous, hương cam	Vừa đủ 1 gói

2. **Dạng bào chế:** Thuốc bột pha dung dịch uống, màu trắng đến trắng ngà, vị ngọt hơi đắng.

3. Chỉ định

Piracetam được chỉ định để cải thiện bệnh lý rối loạn trí nhớ hoặc rối loạn trí thông minh trong trường hợp không có chẩn đoán sa sút trí tuệ

Piracetam có thể làm giảm rung giật cơ vỏ não ở một số bệnh nhân. Để kiểm tra độ nhạy cảm với piracetam, có thể bắt đầu điều trị thử nghiệm trong thời gian giới hạn.

4. Cách dùng, liều dùng

4.1 Cách dùng

- Thuốc dùng theo đường uống, có thể uống cùng hoặc không cùng với thức ăn.
- Hòa thuốc trong 1 lượng nước vừa đủ, khuấy cho tan trước khi uống.

4.2 Liều dùng

-Để điều trị rối loạn trí nhớ hoặc rối loạn trí thông minh, liều khởi đầu là 4,8 g mỗi ngày chia làm nhiều lần trong vài tuần đầu điều trị; sau đó, liều duy trì là 2,4 g mỗi ngày chia làm 2 hoặc 3 lần. Có thể liều có thể được giảm xuống 1,2 g mỗi ngày.

-Để điều trị rung giật cơ vỏ não, bắt đầu với liều hàng ngày là 7,2 g, có thể tăng lên 4,8 g sau mỗi 3 đến 4 ngày đến liều tối đa 24 g chia làm 2 hoặc 3 lần.

Điều trị bằng các thuốc chống rung giật cơ khác nên được duy trì ở liều lượng tương tự. Tùy thuộc vào lợi ích lâm sàng đạt được, nên giảm liều các loại thuốc khác nếu có thể.

Sau khi bắt đầu điều trị bằng piracetam, nên tiếp tục điều trị cho đến khi bệnh lý não ban đầu không còn tồn tại.

Ở những bệnh nhân trong giai đoạn cấp tính, sự tiến triển tự phát có thể xảy ra theo thời gian và cần cố gắng giảm hoặc ngừng điều trị bằng thuốc mỗi 6 tháng. Điều này nên được thực hiện bằng cách giảm liều piracetam 1,2 g mỗi 2 ngày (ba hoặc bốn ngày một lần trong trường hợp mắc hội chứng Lance và Adams, để tránh nguy cơ tái phát đột ngột hoặc co giật do cai thuốc).

Đối tượng đặc biệt

Người già

Nên điều chỉnh liều ở bệnh nhân cao tuổi bị suy thận (xem thêm “Điều chỉnh liều ở bệnh nhân suy giảm chức năng thận”). Trong quá trình điều trị lâu dài ở người cao tuổi, cần theo dõi thường xuyên độ thanh thải creatinin để xác định xem có cần điều chỉnh liều hay không.

Bệnh nhân suy giảm chức năng thận:

Piracetam gần như được thải trừ hoàn toàn qua thận, phải thận trọng khi điều trị cho bệnh nhân bị suy thận, và nên theo dõi chức năng thận ở những nhóm bệnh nhân này. Thời gian bán thải tăng có liên quan trực tiếp đến sự suy giảm chức năng thận và độ thanh thải creatinin. Điều này cũng xảy ra với bệnh nhân cao tuổi do sự bài tiết creatinin phụ thuộc vào tuổi.

Khoảng hiệu chỉnh liều dựa trên chức năng thận được tham khảo theo bảng dưới đây: Có thể ước lượng hệ số thanh thải creatinin (ml/phút) từ nồng độ creatinin huyết thanh (mg/dl) qua công thức sau:

$$Cl_{cr} = \{[140 - \text{tuổi (năm)}] \times \text{thể trọng (kg)} / [72 \times \text{creatinin huyết thanh (mg/dl)}]\} \times 0,85 \text{ nếu là phụ nữ}$$

<i>Chức năng thận</i>	<i>Hệ số thanh thải Creatinin (CL_{cr})(ml/phút)</i>	<i>Hiệu chỉnh liều</i>
Bình thường	≥ 80	Sử dụng liều hàng ngày chia làm 2 đến 4 lần
Suy thận nhẹ	50 - 79	2/3 liều hàng ngày chia làm 2 đến 3 lần
Suy thận vừa	30 - 49	1/3 liều hàng ngày, chia làm 2 lần
Suy thận nặng	≤ 30	1/6 liều hàng ngày, dùng 1 lần
Suy thận giai	-	Chống chỉ định

đoạn cuối		
-----------	--	--

Bệnh nhân suy gan

Không cần điều chỉnh liều ở bệnh nhân suy gan đơn thuần. Khuyến cáo điều chỉnh liều ở bệnh nhân suy gan và suy thận (xem phần 'Điều chỉnh liều ở bệnh nhân suy thận' ở trên).

Trẻ em

Không có dữ liệu có sẵn

5. Chống chỉ định

- Mẫn cảm với piracetam, các dẫn xuất pyrrolidone khác hoặc bất kỳ thành phần nào của thuốc.
- Người bệnh mắc bệnh thận giai đoạn cuối.
- Người mắc bệnh múa giật Huntington.
- Bệnh nhân bị xuất huyết não.

6. Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc

Tác dụng lên sự kết tập tiểu cầu

Do piracetam có tác dụng lên sự kết tập tiểu cầu, thận trọng khi sử dụng cho những bệnh nhân bị xuất huyết nặng, bệnh nhân có nguy cơ chảy máu như loét dạ dày đường tiêu hóa, bệnh nhân bị rối loạn đông máu tiềm ẩn, bệnh nhân có tiền sử bị đột quỵ do xuất huyết, bệnh nhân phải trải qua một cuộc phẫu thuật lớn, bao gồm cả phẫu thuật nha khoa và những bệnh nhân đang dùng thuốc chống đông máu hoặc thuốc chống kết tập tiểu cầu, kể cả aspirin liều thấp.

Người cao tuổi

Với bệnh nhân cao tuổi cần đánh giá thường xuyên độ thanh thải creatinin để xem xét điều chỉnh liều cho phù hợp.

Suy thận

Thận trọng khi dùng thuốc cho bệnh nhân bị suy thận do piracetam được thải trừ qua thận, thời gian bán thải của thuốc tăng lên liên quan trực tiếp với mức độ suy thận và độ thanh thải creatinin.

Ngừng điều trị

Không nên ngừng điều trị đột ngột ở những bệnh nhân bị rung giật cơ vì điều này có thể dẫn đến tái phát đột ngột hoặc co giật sau khi ngừng thuốc.

Thận trọng tá dược

Sản phẩm chứa aspartam. Aspartam bị thủy phân tại ống tiêu hóa khi dùng đường uống. Một trong những sản phẩm thủy phân chính là phenylalanine. Phenylalanine có thể có hại nếu bệnh nhân mắc chứng phenylketon niệu.

7. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú

7.1 Phụ nữ có thai

Không có dữ liệu đầy đủ về việc sử dụng piracetam ở phụ nữ mang thai.

Các nghiên cứu thực nghiệm trên động vật không cho thấy tác dụng có hại trực tiếp hoặc gián tiếp đối với quá trình mang thai, sự phát triển của phôi/thai nhi, quá trình sinh nở hoặc phát triển sau sinh.

Piracetam đi qua hàng rào nhau thai. Nồng độ thuốc ở trẻ sơ sinh bằng khoảng 70% đến 90% nồng độ ở người mẹ. Không nên sử dụng Piracetam trong thời kỳ mang thai trừ khi thực sự cần thiết, khi lợi ích vượt trội nguy cơ và tình trạng lâm sàng của bà mẹ mang thai cần điều trị bằng piracetam.

7.2 Phụ nữ cho con bú.

Không nên sử dụng piracetam trong khi đang cho con bú hoặc không cho con bú trong thời gian điều trị bằng piracetam. Nên tính đến lợi ích của việc bú sữa mẹ đối với trẻ và lợi ích của điều trị đối với mẹ khi quyết định không cho con bú hoặc không sử dụng piracetam. Piracetam được tiết vào sữa mẹ.

8. Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc:

Dựa trên các tác dụng không mong muốn đã được quan sát thấy với piracetam, khả năng khả năng lái xe và sử dụng máy móc có thể bị ảnh hưởng. Do đó, bệnh nhân sử dụng piracetam cần thận trọng khi lái xe hoặc vận hành máy móc.

9. Tương tác thuốc, tương kỵ của thuốc

9.1. Tương tác thuốc

Tương tác dược động học

Nguy cơ tương tác với các thuốc khác dẫn đến thay đổi dược động học của piracetam được coi là thấp vì khoảng 90% liều piracetam được bài tiết dưới dạng không đổi qua nước tiểu.

In vitro, piracetam không ức chế các đồng phân cytochrome P450 ở gan người (CYP 1A2, 2B6, 2C8, 2C9, 2C19, 2D6, 2E1 và 4A9/11) ở nồng độ 142, 426 và 1422 µg/ml

Ở liều 1422 µg/ml, quan sát thấy tác dụng ức chế nhẹ trên CYP 2A6 (21%) và 3A4/5 (11%).

Tuy nhiên, giá trị Ki để ức chế cả hai isoenzym CYP này rõ ràng là cao hơn 1422 µg/ml.

Do đó, khả năng tương tác chuyển hóa của piracetam với các thuốc khác khó xảy ra.

Hormone tuyến giáp: Lú lẫn, khó chịu và rối loạn giấc ngủ đã được báo cáo khi điều trị đồng thời Piracetam và các chất chiết xuất từ tuyến giáp (T3 + T4).

Acenocoumarol: Trong một thử nghiệm lâm sàng mù đơn đã được công bố, ở những bệnh nhân bị huyết khối tĩnh mạch tái phát nặng, piracetam với liều 9,6 g / ngày không làm thay đổi liều acenocoumarol cần thiết để đạt được INR 2,5 đến 3,5, nhưng so với tác dụng của acenocoumarol đơn thuần, việc bổ sung piracetam 9,6 g / ngày làm giảm đáng kể sự kết tập tiểu cầu, giải phóng thromboglobulin, nồng độ fibrinogen và các yếu tố Von Willebrand (VIII: C; V III: vW: Ag; VIII; vW và độ nhớt của máu và huyết tương toàn phần).

Thuốc chống động kinh

Liều hàng ngày 20 g piracetam trong 4 tuần không làm thay đổi nồng độ đỉnh và đáy trong huyết thanh của thuốc chống động kinh (carbamazepin, phenytoin, phenobarbital và natri valproat) ở bệnh nhân động kinh dùng liều ổn định.

Rượu bia

Việc sử dụng đồng thời với rượu không ảnh hưởng đến nồng độ piracetam trong huyết tương và nồng độ cồn không bị thay đổi khi uống liều 1,6 g piracetam.

9.2. Tương kỵ của thuốc

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

10. Tác dụng không mong muốn của thuốc

Các phản ứng bất lợi được báo cáo trong các thử nghiệm lâm sàng và từ kinh nghiệm sau khi đưa thuốc ra thị trường được liệt kê theo Nhóm cơ quan hệ thống và theo tần suất trong bảng sau. Tần suất được xác định như sau: rất thường gặp ($\geq 1/10$), Thường gặp ($\geq 1/100$ đến $<1/10$), Ít gặp ($\geq 1/1.000$ đến $<1/100$), hiếm gặp ($\geq 1/10.000$ đến $< 1/1.000$), rất hiếm ($<1/10.000$), không xác định (không thể được ước tính từ dữ liệu có sẵn).

Rối loạn hệ thống máu và bạch huyết

Không xác định: Rối loạn xuất huyết

Rối loạn hệ thống miễn dịch

Không xác định: Phản ứng phản vệ, quá mẫn

Rối loạn tâm thần

Thường gặp: Căng thẳng

Ít gặp: Trầm cảm

Không xác định: Kích động, lo âu, lú lẫn, ảo giác

Rối loạn hệ thần kinh

Thường gặp: Tăng động

Ít gặp: Buồn ngủ

Không xác định: Mất điều hòa, mất thăng bằng, động kinh trầm trọng hơn, nhức đầu, mất ngủ, run.

Rối loạn thăng bằng cơ quan và tai

Không xác định: Chóng mặt

Rối loạn tiêu hóa

Không xác định: Đau bụng, đau bụng trên, tiêu chảy, buồn nôn, nôn. Rối loạn da và mô dưới da.

Không xác định: Phù mạch thần kinh, viêm da, ngứa, mào đay

Rối loạn sinh sản và vú

Không xác định: Kích thích tình dục

Rối loạn chung và tình trạng tại chỗ dùng thuốc

Ít gặp: Suy nhược.

Đề nghiên cứu

Thường gặp: Tăng cân

11. Quá liều và cách xử trí

11.1 Triệu chứng

Cho đến nay, không có thêm tác dụng phụ nào đặc biệt do quá liều được báo cáo với piracetam.

11.2 Điều trị quá liều

Trong trường hợp quá liều cấp tính nghiêm trọng, có thể làm trống dạ dày bằng cách rửa dạ dày hoặc gây nôn.

Không có thuốc giải độc đặc hiệu trong trường hợp quá liều piracetam. Điều trị quá liều sẽ điều trị triệu chứng và có thể bao gồm chạy thận nhân tạo. Hiệu suất tách piracetam của thiết bị thẩm tách là 50% đến 60%.

12. Đặc tính dược lực học:

Nhóm dược lý: Thuốc kích thích tâm thần và thuốc nootropic khác.

Mã ATC: N06BX03

Piracetam là một chất nootropic, là một loại thuốc hướng tâm thần giúp cải thiện trực tiếp hoạt động của các chức năng thần kinh.

Hoạt động của piracetam trong hệ thần kinh trung ương đạt được bằng nhiều cách: điều chỉnh sự dẫn truyền thần kinh trong não, cải thiện điều kiện trao đổi chất cho tính dẻo của tế bào thần kinh, cải thiện vi tuần hoàn nhờ đặc tính huyết học, không gây giãn mạch.

Sử dụng piracetam trong điều trị cấp tính hoặc lâu dài cho bệnh nhân bị rối loạn chức năng não dường như dẫn đến những thay đổi đáng kể trên điện não đồ, cho thấy sự gia tăng sự tỉnh táo và chức năng nhận thức.

Piracetam được cho là có tác dụng bảo vệ và phục hồi chức năng nhận thức sau các rối loạn não khác nhau như thiếu oxy, nhiễm độc và liệu pháp sốc điện.

Piracetam đơn độc hoặc kết hợp được chỉ định để điều trị rung giật cơ vỏ não.

Piracetam làm giảm thời gian rung giật nhãn cầu tiền đình.

Piracetam ức chế sự gia tăng kết tập tiểu cầu đã hoạt hóa. Trong trường hợp hồng cầu có độ cứng bất thường, piracetam làm tăng khả năng lọc và biến dạng của hồng cầu.

13. Đặc tính dược động học

Hấp thu

Sau khi uống, piracetam được hấp thu nhanh chóng và gần như hoàn toàn qua đường tiêu hóa. Sinh khả dụng gần như là 100%. Sau khi dùng liều duy nhất 2 g, nồng độ tối đa trong máu đạt được từ 40 đến 60 $\mu\text{g/ml}$ sau 30 phút. Trong dịch não tủy, nồng độ này đạt được sau 2 đến 8 giờ.

Phân bố

Piracetam không liên kết với protein huyết tương và thể tích phân bố biểu kiến của nó là khoảng 0,6 l/kg. Piracetam phân bố vào tất cả các mô và vượt qua hàng rào máu

não và hàng rào nhau thai. Nó cũng đi qua các màng được sử dụng để chạy thận nhân tạo. Piracetam tập trung ở vỏ não (thùy trán, thùy đỉnh và thùy chẩm), vỏ tiểu não và hạch nền.

Chuyển hóa

Không có chất chuyển hoá của Piracetam được tìm thấy.

Thải trừ

Thời gian bán thải trong máu là 4 đến 5 giờ và trong dịch não tủy là 6 đến 8 giờ. Thời gian bán thải tăng trong trường hợp suy thận. Piracetam chủ yếu được thải trừ bởi thận dưới dạng không đổi. Sau 30 giờ, piracetam được đào thải gần như hoàn toàn qua nước tiểu (> 95%). Độ thanh thải qua thận của piracetam ở người lớn khỏe mạnh là 86 ml/phút.

14. Quy cách đóng gói:

Hộp 20 gói, 30 gói, 50 gói x 6g; kèm hướng dẫn sử dụng.

15. Điều kiện bảo quản, hạn dùng, tiêu chuẩn chất lượng của thuốc:

Điều kiện bảo quản: Nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng trực tiếp.

Hạn dùng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS.

16. Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc:



NHÀ MÁY HDPHARMA EU-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

Đ/c: Tầng 2, Toà nhà 4A, Thửa đất số 307, cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, phường
Cẩm Thượng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương